

NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT DOANH NGHIỆP 2005

Luật Doanh nghiệp năm 2005 ra đời đánh dấu một sự thay đổi lớn trong pháp luật về doanh nghiệp ở Việt Nam, đồng thời phản ánh được tư tưởng và mục tiêu nổi bật của luật Doanh nghiệp năm 2005 là hình thành một khung pháp lý chung, bình đẳng áp dụng thống nhất cho mọi loại hình doanh nghiệp. Đây là lần đầu tiên nước ta ban hành một văn bản pháp luật chung điều chỉnh thống nhất tất cả các loại hình doanh nghiệp. Với việc ban hành Luật Doanh nghiệp năm 2005, các doanh nghiệp Việt Nam đã có điều kiện để hoạt động bình đẳng trong điều kiện nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay. Sự ra đời của Luật Doanh nghiệp năm 2005 cũng đáp ứng được yêu cầu đối xử bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Những điểm mới cơ bản của Luật Doanh nghiệp năm 2005 thể hiện ở những nội dung sau đây:

1. Luật Doanh nghiệp với tư cách là luật chung cho các loại hình doanh nghiệp:

Luật Doanh nghiệp năm 2005 thay thế cho Luật Doanh nghiệp năm 1999, Luật Doanh nghiệp Nhà nước năm 2003, các quy định về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp tại Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 2000. Sự ra đời của Luật Doanh nghiệp năm 2005 đã tạo lập môi trường pháp lý chung cho hoạt động của các doanh nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Các quy định về đăng ký kinh doanh:

Thay cho việc có Đơn đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp năm 1999, Luật Doanh nghiệp năm 2005 đã quy định về Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh, Luật năm 2005 cũng có những quy định cụ thể về hồ sơ đăng ký kinh doanh của từng loại hình doanh nghiệp bao gồm hồ sơ đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần. Luật Doanh nghiệp năm 2005 cũng đã quy định cụ thể về tên của doanh nghiệp, trong đó có cách đặt tên cho doanh nghiệp, những trường hợp cấm về cách đặt tên doanh nghiệp, đặt tên doanh nghiệp trong trường hợp tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài, tên viết tắt của doanh nghiệp và những trường hợp tên trùng và tên gây nhầm lẫn. Một điểm mới khác của luật Doanh nghiệp năm 2005 theo hướng là luật chung cho các loại hình doanh nghiệp, là gắn thủ tục đăng ký kinh doanh với thủ tục đăng ký đầu tư. Điều này xuất phát từ quan điểm đổi mới, đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp gia nhập thị trường và thực hiện các hoạt động đầu tư. Rút ngắn hơn thời hạn cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Theo khoản 2 Điều 15 Luật Doanh nghiệp 2005, “Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét hồ sơ đăng ký kinh doanh và cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ”. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, điều kiện và nội dung đăng ký kinh doanh, đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài lần đầu tiên đầu tư vào Việt Nam được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2005 và pháp luật về đầu tư. Giấy chứng nhận đầu tư đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

3. Các quy định về điều lệ công ty.

So với Luật Doanh nghiệp năm 1999, Luật Doanh nghiệp năm 2005 đã có nét đột phá khi đi theo hướng chỉ quy định những vấn đề cơ bản, có tính nguyên tắc về nhiều nội dung trong quản trị nội bộ doanh nghiệp, cho phép Điều lệ công ty quy định thêm những vấn đề cụ thể để đáp ứng yêu cầu điều hành hoạt động kinh

doanh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp có quyền quy định trong Điều lệ của mình các quan hệ ứng xử nội bộ và cách thức quản lý, điều hành cụ thể trong hoạt động nội bộ của doanh nghiệp. Mỗi quan hệ giữa các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2005 với các yêu cầu của quản trị doanh nghiệp ghi trong Điều lệ công ty được thể hiện trong nhiều điều khoản của Luật này. Cách quy định này của Luật Doanh nghiệp năm 2005 nhằm hình thành khung quản trị nội bộ tiên tiến của doanh nghiệp.

4. Hoàn thiện quản trị doanh nghiệp:

Khung quản trị doanh nghiệp được hoàn thiện hơn, rõ ràng hơn và bảo vệ mạnh mẽ hơn quyền và lợi ích của thành viên, cổ đông thiểu số, cụ thể: - Khung quản trị được thiết kế tùy theo loại hình doanh nghiệp và được áp dụng thống nhất đối với doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hay doanh nghiệp có sở hữu tư nhân, doanh nghiệp sở hữu vốn nhà nước. - Xác định rõ hơn các nghĩa vụ của người quản lý, nhất là đối với thành viên HĐQT và giám đốc, đặc biệt là nghĩa vụ trung thành, trung thực và cẩn trọng; quy định rõ điều kiện và tiêu chuẩn của một chức danh quản lý quan trọng trong công ty. - Tăng thêm quy định yêu cầu công khai và minh bạch hóa, nhất là đối với những người quản lý. - Nâng cao, tăng cường và quy định cụ thể hơn vai trò, vị trí và trách nhiệm của Ban kiểm soát. - Tăng cường thêm các quy định về quản lý vốn, hạn chế nguy cơ lạm dụng trách nhiệm hữu hạn.

5. Các quy định về nhóm công ty:

Luật Doanh nghiệp năm 2005 bổ sung quy định về nhóm công ty. Thực chất, quy định về nhóm công ty nhằm mục đích tăng cường sự công khai, minh bạch trong hoạt động kinh doanh cũng như hạn chế chế độ trách nhiệm hữu hạn và bảo vệ lợi ích của cổ đông thiểu số. Đó là các quy định trách nhiệm đền bù của công ty mẹ đối với công ty con, hay nghĩa vụ lập báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm công ty. Đây là một bước phát triển mới của pháp luật doanh nghiệp Việt Nam trong việc tạo ra cơ sở pháp lý để hình thành các tập đoàn kinh tế lớn có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

6. Các quy định về công ty hợp danh: Thừa nhận tư cách pháp nhân của công ty hợp danh

7. Các quy định Công ty TNHH một thành viên

Điểm mới nổi bật của Luật Doanh nghiệp năm 2005 về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là Luật cho phép một cá nhân có thể thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (Điều 63 Luật doanh nghiệp) và đã đưa ra quy định về cơ cấu tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là cá nhân. Đạo luật cũng đã đưa ra những quy định cụ thể về người đại diện theo pháp luật của công ty. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải thường trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên 30 ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty.

8. Các quy định về công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên:

Luật Doanh nghiệp năm 2005 đã đưa ra quy định cụ thể khác biệt và cụ thể hơn so với Luật Doanh nghiệp năm 1999 về người đại diện theo pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, theo đó Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải thường trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên 30 ngày thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định tại Điều lệ công ty để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty. Những quy định về người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên cũng tương đồng với quy định về vấn đề này của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Luật Doanh nghiệp năm 2005 đã đưa ra quy định về người đại diện theo uỷ quyền. Đây là quy định mới so với Luật Doanh nghiệp năm 1999. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2005, việc chỉ định người đại diện theo uỷ quyền phải bằng văn bản, được thông báo đến công ty và cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày chỉ định.

9. Các quy định về công ty cổ phần:

Tăng cường và củng cố thêm các quyền của thành viên, cổ đông (điều 41); bảo vệ mạnh hơn quyền và lợi ích của thành viên, cổ đông (điều 79).

Về cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần, Luật quy định áp dụng bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy chế cộng dồn phiếu bầu (điểm c khoản 3 điều 104); đó là cơ chế đảm bảo các cổ đông phổ thông luôn có đại diện của mình trong Hội đồng quản trị. Theo Luật Doanh nghiệp năm 2005, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm năm, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Luật Doanh nghiệp năm 2005 cũng có những quy định khác biệt so với Luật Doanh nghiệp năm 1999 về việc thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Theo Luật mới, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ một trong các điều kiện: (1) được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định; (2) Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, sửa đổi, bổ sung theo Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty, đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty nếu Điều lệ công ty không có quy định khác thì phải được ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả số cổ đông dự họp chấp thuận; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định; (3) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên; (4) Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng quy định; (5) Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

Về vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị: Khoản 1 Điều 111 quy định: Điều lệ công ty quy định Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch HĐQT. Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch HĐQT thì Chủ tịch được bầu trong số thành viên của HĐQT. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc công ty nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Như vậy, trong cơ cấu này Chủ tịch HĐQT là cơ quan thường trực của HĐQT, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và công việc của HĐQT giữa hai kỳ họp; không phải là một chức danh có thẩm quyền độc lập tách biệt riêng.

Nếu Đại hội đồng cổ đông bầu trực tiếp Chủ tịch HĐQT có thể phát sinh xung đột trong quản lý, điều hành của Công ty. Cụ thể là Chủ tịch Hội đồng quản trị lúc này chịu trách nhiệm trực tiếp trước Đại hội đồng cổ đông, chứ không phải Hội đồng quản trị. Do đó, khi các quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ đúng theo quy định của pháp luật và quyết định, nghị quyết của HĐQT thì công việc của Hội đồng quản trị có nguy cơ bị đình trệ thậm chí không thực hiện được? Vì vậy, Luật đã quy định: Điều lệ công ty quy định thể thức thông qua quyết định của công ty; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ tại khoản 9 Điều 22.

Quy định về công khai các lợi ích liên quan: Đối tượng phải công khai: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty (Điều 118)

Xác định rõ hơn quyền lợi và nghĩa vụ của người quản lý: Thiết lập chế độ thù lao, tiền lương gắn với kết quả và hiệu quả kinh doanh của công ty (các Điều 58,73,117,125); Nghĩa vụ của người quản lý, nhất là đối với thành viên Hội đồng quản trị và Giám đốc, đặc biệt là nghĩa vụ trung thành, trung thực và cẩn trọng (Điều 56,72,119,126,134); Nâng cao, tăng cường và quy định cụ thể hơn vai trò, vị trí và trách nhiệm của Ban kiểm soát, Thành viên Ban kiểm soát (các Điều 123,124,126).

10. Các quy định về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước:

Xác định cụ thể thời hạn (chậm nhất là bốn năm) kết thúc quá trình chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần, tổ chức quản lý và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp. Việc xác định thời hạn 4 năm xuất phát từ yêu cầu đẩy nhanh quá trình sắp xếp, tổ chức lại và nâng cao hiệu quả quản lý doanh nghiệp nhà nước, yêu cầu tạo lập môi trường kinh doanh bình thường, không phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp theo thành phần kinh tế, đồng thời, đã tính đến các điều kiện, các vấn đề cần phải xử lý trong quá trình chuyển đổi.

Như vậy, lộ trình chuyển đổi DNNN đã được luật hoá, theo đó các quy định hiện hành về DNNN sẽ chỉ được áp dụng trong khoảng thời gian 4 năm, kể từ ngày Luật doanh nghiệp 2005 có hiệu lực. Sau thời gian này, các doanh nghiệp không kể thành phần kinh tế đều hoạt động trong một hành lang pháp lý chung về doanh nghiệp và đầu tư.

11. Tăng cường quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp:

Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp được tăng cường và cụ thể hơn. Điều này được thể hiện bằng các quy định về cung cấp thông tin giữa các cơ quan nhà nước, quy định rõ và cụ thể trách nhiệm của từng cơ quan nhà nước, cấp chính quyền trong quản lý doanh nghiệp, quy định cụ thể điều kiện giải thể doanh nghiệp, quy định cụ thể các hành vi bị cấm, bổ sung thêm trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. -

Đổi mới cơ bản cơ chế thực hiện quyền chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp, trong đó, tách chức năng thực hiện quyền chủ sở hữu ra khỏi chức năng quản lý hành chính nhà nước, thực hiện tập trung và thống nhất các quyền chủ sở hữu, đồng thời tôn trọng quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp.

Điểm mới Luật doanh nghiệp 2005

Ban biên tập HAO xin giới thiệu một số điểm chính về Luật doanh nghiệp 2005 và bài viết của tác giả Phạm Ngọc Nam.

*Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm thông qua ngày **29 tháng 11 năm 2005** số 60/2005/QH 11 và bắt đầu có hiệu lực từ **01 tháng 7 năm 2006**. Bao gồm 172 điều do chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An đã ký. Có thể đánh giá rằng, Luật Doanh nghiệp năm 1999 đã hoàn thành sứ mệnh của mình.*

Luật này sẽ có tác động rất quan trọng đến môi trường đầu tư và kinh doanh ở Việt Nam sắp tới. Nội dung của Luật quy định các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, từ giai đoạn thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh đến quản trị doanh nghiệp đối với các loại hình doanh nghiệp như công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn (công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên), công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, nhóm công ty; tổ chức lại và giải thể, phá sản doanh nghiệp; quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp.

ĐIỂM MỚI LUẬT DOANH NGHIỆP 2005

Luật pháp được ví như là hành lang cho các hoạt động kinh doanh của các doanh nhân (hành lang pháp lý). Tuy từng thời kỳ và giai đoạn phát triển kinh tế mà Nhà nước quyết định mở rộng ra hoặc thu hẹp lại hành lang pháp lý đi đúng định hướng phát triển của đất nước.

Ngày 29 tháng 11 năm 2005, Quốc hội đã ban hành một đạo luật quan trọng, có tác động rất lớn đến hoạt động kinh doanh của giới doanh nghiệp là Luật doanh nghiệp (Luật DN). Đạo luật này đã có hiệu lực từ ngày 1/7/2006.

Chúng tôi xin phân tích 4 điểm mới cơ bản mà chúng tôi cho là quan trọng nhất của đạo luật này, (từ góc độ của một doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước)

1. Đặt các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế vào một khung pháp lý chung

Trước đây, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước và vốn đầu tư nước ngoài về cơ bản chịu sự điều chỉnh của hai hệ thống văn bản khác nhau. Điều này ít nhiều đã tạo ra lợi thế cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước do có sự khác biệt về thủ tục. Với sự ra đời của Luật Doanh nghiệp, tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, bất kể là trong nước hay ngoài nước, vốn sở hữu nhà nước hay vốn sở hữu tư nhân đều sẽ chơi trong một sân chơi chung.

Điều 1 Luật doanh nghiệp quy định: "Luật này quy định về việc thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân thuộc mọi thành phần kinh tế (sau đây gọi chung là doanh nghiệp); quy định về nhóm công ty."

Luật Đầu tư 2005 cũng sẽ tạo nên những thuận lợi cơ bản như thể chế hoá các nguyên tắc cơ bản của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) liên quan tới hoạt động đầu tư như nguyên tắc đối xử quốc gia, công khai, minh bạch, giải quyết tranh chấp... tạo ra môi trường pháp lý minh bạch và phù hợp với thông lệ quốc tế cho hoạt động của các doanh nghiệp, nhưng đồng thời cũng đặt các doanh nghiệp Việt Nam trước những thử thách rất lớn. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước sẽ phải cạnh tranh quyết liệt với những doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thường là rất hùng mạnh, rất chuyên nghiệp trong một môi trường kinh doanh về cơ bản là bình đẳng. Chúng tôi nói "về cơ bản" là vì việc mở cửa môi trường đầu tư trong từng ngành, từng lĩnh vực còn phụ thuộc và kết quả đàm phán giữa Việt Nam và các quốc gia trong quá trình hội nhập.

2. Quyết tâm loại bỏ các "giấy phép con" gây bất lợi cho hoạt động đầu tư kinh doanh

Năm 1999, Ban soạn thảo Luật Doanh nghiệp 1999 đã tiến hành một cuộc khảo sát trên phạm vi cả nước và thu được 300 loại giấy phép khác nhau mà người kinh doanh phải thường xuyên xin các cơ quan có thẩm quyền. Để giảm con số 300 đó xuống được bắt đầu, nhưng rất cam go, quyết liệt.

Khoảng một năm sau đó, hiệu quả bước đầu được thể hiện bằng Quyết định 19/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ 84 loại giấy phép không cần thiết và trái với Luật Doanh nghiệp. Đây là một sự kiện lớn đối với công đồng doanh nghiệp thời điểm đó.

Và cuối cùng, Nghị định 59/2002/NĐ-CP loại bỏ thêm 4 giấy phép và thay thế 10 loại giấy phép bằng các điều kiện kinh doanh. Đáng chú ý khi đây là nỗ lực và kết quả cuối cùng của "công cuộc đấu tranh" bãi bỏ các giấy phép không cần thiết.

Báo cáo tổng kết 6 năm thi hành luật doanh nghiệp cho thấy số lượng giấy phép đang gia tăng với tốc độ nhanh: Từ 194 loại năm 2002 lên 246 vào năm 2003 và 298 cuối năm 2004. Như vậy, cứ trung bình, mỗi tuần lại sản sinh ra được một giấy phép mới!

Trong thời gian vừa qua, Chính phủ đã thể hiện rất rõ quyết tâm trong việc khuyến khích các hoạt động đầu tư kinh doanh thông qua việc loại bỏ một loạt các giấy phép đã lỗi thời, không còn cần thiết và chỉ giữ một số lượng rất nhỏ các giấy phép kinh doanh trong một số ngành nghề được coi là nhạy cảm. Tuy nhiên, trên thực tế, một số Bộ ngành vẫn quản lý theo tư tưởng **"khả năng đến đâu, mở cửa đến đó"**. Điều này dẫn đến việc xuất hiện ngày càng nhiều các loại giấy phép con, giấy phép trá hình được thể hiện dưới dạng các điều kiện kinh doanh, thậm chí là cả các giấy phép đã bị bãi bỏ nhưng tồn tại dưới hình thức khác.

Điều 7 khoản 5 Luật DN quy định "Bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp không được quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh". Như vậy, thẩm quyền quy định về điều kiện kinh doanh, thẩm quyền ban hành các giấy phép chỉ thuộc về Chính phủ theo một trình tự, thủ tục chặt chẽ hơn nhiều so với việc ban hành dưới dạng một văn bản quản lý cấp Bộ.

3. Bổ sung hình thức Công ty TNHH có một thành viên là cá nhân

Nếu như trước đây, một cá nhân muốn thành lập một doanh nghiệp độc lập mà không muốn liên kết với các tổ chức, cá nhân khác thì cá nhân đó buộc phải lựa chọn hình thức Doanh nghiệp Tư nhân (DNTN). Tuy nhiên, bên cạnh các ưu điểm thì hình thức DNTN còn có một nhược điểm rất lớn là tính chịu trách nhiệm vô hạn, tức là nếu doanh nghiệp phá sản, chủ doanh nghiệp sẽ phải dùng cả phần tài sản cá nhân (bên cạnh phần tài sản đã đăng ký cho hoạt động đầu tư kinh doanh) để trả nợ cho doanh nghiệp.

Luật DN mới đã cho phép cá nhân muốn thành lập một doanh nghiệp độc lập được lựa chọn thêm một hình thức mới là Công ty TNHH có một thành viên là cá nhân (trước đây quyền này chỉ thuộc về một tổ chức). Doanh nghiệp này sẽ chỉ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi phần vốn mà chủ sở hữu đã đăng ký cho hoạt động đầu tư kinh doanh. Trong trường hợp Công ty phá sản, chủ doanh nghiệp sẽ không bị lâm vào tình trạng “khánh tận” do phải trả nợ thay cho doanh nghiệp.

Luật mới này cũng sẽ đưa các tiêu chí về phẩm chất người quản lý; quy định rõ về tiền lương và thù lao của người quản lý (không còn khống chế mức trần tiền lương); đưa vào một chương quy định về nhóm công ty, đặt nền tảng pháp lý cho việc phát triển tập đoàn kinh tế...

Luật Doanh nghiệp 2005 sẽ có một số thuận lợi cơ bản như minh bạch hoá, cụ thể hoá hồ sơ, thủ tục, quy trình đăng ký kinh doanh cho từng loại hình doanh nghiệp; rút ngắn thời gian đăng ký kinh doanh; từng loại hình doanh nghiệp sẽ được cụ thể hoá mô hình quản lý, đặc biệt là loại hình công ty hợp doanh và công ty TNHH một thành viên; cho phép một cá nhân được thành lập công ty TNHH một thành viên; công nhận tư cách pháp nhân của công ty hợp danh;

Điều 63 khoản 7 Luật doanh nghiệp: "Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu (sau đây gọi là chủ sở hữu công ty); chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty."

4. Quy định rất cụ thể và chi tiết về Công ty cổ phần (Công ty CP)

Trong Luật DN cũ (ban hành năm 1999), quy định về Công ty CP cũng là phần quy định chặt chẽ nhất, chi tiết nhất. Tuy nhiên, với Luật DN mới, các quy định này còn cụ thể hơn, chi tiết hơn và tiến rất gần tới chuẩn mực chung của thế giới về công ty cổ phần. Trong luật có gần 50% nội dung liên quan về Công ty CP. Điều này thể hiện rất rõ chính sách khuyến khích của Nhà nước đối với việc phát triển loại hình doanh nghiệp này, một loại hình doanh nghiệp được cho rằng đã giải quyết gần như triệt để các nhược điểm của Công ty TNHH, đặc biệt là trong thời gian tới Quốc hội lại chuẩn bị thông qua Luật về Chứng khoán.

Do số lượng các điều luật “mang tính mới” về Công ty Cổ Phần là rất nhiều, các bạn có thể tham khảo trực tiếp trong Luật Doanh nghiệp, chúng tôi xin trích cụ thể điều 104 trong đạo luật này.

Điều 104 Luật Doanh nghiệp thống nhất qui định về nội dung thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông, có nhiều điểm mới và ưu việt hơn so với Luật Doanh nghiệp hiện hành.

Những quyết định không qua trọng của doanh nghiệp thì phải đạt ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. Điều kiện để tổ chức được đại hội cổ đông theo giấy triệu tập lần 1 là có số cổ đông dự họp ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết. Theo Luật DN hiện hành thì chỉ cần 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là có thể tổ chức đại hội cổ đông; Với những quyết định không quan trọng thì chỉ cần 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

Đối với những vấn đề quan trọng của Doanh nghiệp, theo Luật mới thì cần tỷ lệ biểu quyết là 75%, theo luật cũ là 65%.

Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, Luật cũ qui định trên 51%, Luật mới quy định trên 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

Bình luận về việc nâng tỷ lệ biểu quyết:

- Phù hợp với thông lệ quốc tế, nhiều công ty Luật nước ngoài tham gia vào Luật Doanh nghiệp không có ý kiến gì về sự thay đổi này;
- Bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư nhỏ, cổ đông 51% sẽ không thể có quyền quyết định gần như tuyệt đối (theo Luật cũ);
- Cổ đông hay nhóm cổ đông nắm giữ khoảng 20% vốn điều lệ có quyền phủ quyết những quyết định không phù hợp với lợi ích của họ. Trên thực tế ít khi tập hợp được 100% cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông. Công ty càng lớn thì cổ đông càng nhiều và phân tán.
- Điều kiện tổ chức ĐHCĐ phải hội đủ 65% vốn điều lệ - Đây là 1 thách thức đối với những doanh nghiệp ít có cổ đông lớn, có nhiều cổ đông ở xa, thậm chí kinh doanh không hiệu quả....vì vậy việc tổ chức ĐHCĐ theo Luật mới cần được chuẩn bị kỹ lưỡng, cần phải tranh thủ sự ủng hộ của nhiều cổ đông, nhất là các cổ đông lớn.
- Việc tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản phải đạt trên 75% vốn điều lệ, đây là 1 quy định chặt chẽ hơn trước nhằm tránh lạm dụng những kẽ hở của pháp luật như trước, hạn chế hình thức lấy ý kiến bằng văn bản và để mọi vấn đề ra ĐHCĐ quyết định. Sự thay đổi này làm cho HĐQT cần chuẩn bị kỹ lưỡng hơn những nội dung cần họp trong ĐHCĐ thường niên.
- Cùng với cơ chế bầu HĐQT và BKS theo phương thức cộng dồn thì việc thôn tính công ty sẽ trở nên khó khăn hơn trước. Người thôn tính toàn bộ DN thì phải nắm giữ trên 75% vốn điều lệ thì mới có toàn quyền quyết định, một khi chưa đạt tỷ lệ trên thì vẫn có thể bị nhóm cổ đông khác phủ quyết mọi quyết định về đường lối phát triển doanh nghiệp, vì vậy giá thôn tính sẽ trở nên rất đắt đỏ...

Các doanh nghiệp hiện nay không những tường tận về luật pháp Việt Nam mà của cả thế giới trong cuộc chơi hội nhập này, hiểu biết để không vượt quá ranh giới của hành lang mà pháp luật đã đặt ra nhưng cũng là để tận dụng những khoảng rộng của chính hành lang đó để tăng tốc, bứt phá.